TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - R phúc**
Số: 111/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 06tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀSỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Phạm Xuân J, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh N.

Địa chỉ liên lạc: đường P, phường J, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Lê Thị Huyền R, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 18, khu vực Trường Đá, phường M, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền Rtìm hiểu nhau được một năm. Sau khi được sự đồng ý hai bên gia đình, anh J và chị R tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 30/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại nhà bố mẹ chồng tại số 204 Long Thọ, tổ 18, khu vực Trường Đá, phường M, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm, đến năm 2018m vợ chồng bắt đầu xãy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã. Đến năm 2018, vợ chồng sống ly thân, anh J về sinh sống tại số 13 kiệt 1 Lịch Đợi, phường Phường Đúc, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huếvà không còn quan tâm nhau nữa. Nay vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh J và chị R không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh J và chị R được ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền R xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung:

Phạm Lê Quỳnh G, sinh ngày 26/10/2013;

Hiện nay cháu Phạm Lê Quỳnh G đang sống chung với chị R. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Phạm Lê Quỳnh G cho chị R trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh J không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền R xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí giải quyết ly hôn, ông J và chị R đã nộp tại biên lai số AA/2013/007593 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền Rthuận tình ly hôn.

Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền R đã đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, tại quyển 01/2011, số 108/2011.

- Về con chung: Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền R xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung:

Phạm Lê Quỳnh G, sinh ngày 26/10/2013;

Hiện nay cháu Phạm Lê Quỳnh G đang sống chung với chị R. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Phạm Lê Quỳnh G cho chị R trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh J không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền R có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền R xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Xuân J và chị Lê Thị Huyền R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí giải quyết ly hôn, ông J và chị R đã nộp tại biên lai số AA/2013/007593 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- Các đương sự; - VKSNDTP Huế;
- THATP Huế;
- TAND Tỉnh TTHuế;
-Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình